

Số: 01 /KL-TTH

Ninh Sơn, ngày 15 tháng 3 năm 2021

KẾT LUẬN

Thanh tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã Ma Nới trong việc thực hiện pháp luật về Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Thực hiện Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2021 đối với Thanh tra huyện Ninh Sơn. Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TTH ngày 04/01/2021 của Chánh Thanh tra huyện Ninh Sơn về việc thành lập Đoàn Thanh tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ma Nới trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Từ ngày 18/01/2021 đến ngày 23/02/2021, Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 01/QĐ-TTH đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Ma Nới.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTT ngày 10/3/2021 của Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của UBND xã Ma Nới. Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

I. Khái quát chung

1. Đặc điểm tình hình:

Ma Nới là xã miền núi đặc biệt khó khăn của huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, toàn xã có 6 thôn trong đó có 02 thôn xa (Gia Hoa, Tà Nôi) và 04 thôn trung tâm xã (Ú, Gia Rót, Hà Dài, Do). Dân số toàn xã hiện nay có 1181 hộ/4677 nhân khẩu với hơn 95% là đồng bào dân tộc thiểu số Raglai.

Cơ cấu kinh tế của xã có sự chuyển dịch chậm, nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính của xã Ma Nới. Phần lớn diện tích nông nghiệp là đất do người dân tự khai phá, phân tán nhỏ lẻ gây khó khăn cho việc sản xuất, thu hoạch, vận chuyển nông sản và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa vào nước trời, mặt khác lại bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, mưa bão thất thường vào những tháng cuối năm, nắng hạn kéo dài vào mùa khô giá thu mua nông sản lên xuống thất thường đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống kinh tế, văn hoá xã hội của Nhân dân trên địa bàn xã nói chung và hộ nghèo nói riêng. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo hiện nay của xã vẫn còn cao (Số liệu cuối năm 2020: hộ nghèo 522hộ/2127 khẩu, chiếm tỷ lệ 44,20%; hộ cận nghèo 179 hộ/769 khẩu, chiếm tỷ lệ 15,16%).

2. Thuận lợi và khó khăn:

2.1. Thuận lợi:

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy sự tham gia tích cực các ban ngành, đoàn thể, trong thời gian qua công tác Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng có nhiều chuyên biến tích cực; Quy chế dân chủ ở cơ sở được phát huy; công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, tổ chức góp ý kiến, kiến nghị, giám sát, phản biện xã hội theo quy định của pháp luật và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp của nhà nước, UBND xã luôn quan tâm, nghiên cứu tiếp thu, trả lời ý kiến kiến nghị của Công dân. Chất lượng giải quyết ý kiến, kiến nghị của công dân ngày càng được nâng cao, nhiều ý kiến đã được giải quyết kịp thời, dứt điểm, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong đời sống của Nhân dân.

2.2. Khó khăn:

- Với đặc thù là địa bàn có hầu hết người dân chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số Raglai sinh sống, đời sống còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí trong một bộ phận nhân dân còn hạn chế, chưa am hiểu về pháp luật, chưa nắm vững các chính sách của Nhà nước trong việc triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn xã dẫn đến có một số đơn thư thắc mắc, khiếu nại về nhà ở, về hỗ trợ gạo,... phản ánh không đúng thực tế, làm ảnh hưởng đến tình hình triển khai thực hiện của xã.

- Công tác phòng, chống tham nhũng là một lĩnh vực tương đối rộng và phức tạp, đội ngũ cán bộ công chức chưa được tập huấn thường xuyên về công tác này, trong khi đó, khối lượng công việc được giao cho từng công chức nhiều. Do đó, trong thời gian qua, việc triển khai các biện pháp theo quy định về phòng chống tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, công chức còn chủ quan, chưa đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu, nhất là trong việc công khai, minh bạch theo Luật định.

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác Tiếp công dân của xã vẫn còn thiếu thốn như: chưa bố trí được Phòng Tiếp dân, trang thiết bị làm việc như máy vi tính, bàn ghế,...

II. Kết quả thanh tra

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn xã được quan tâm triển khai thực hiện. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã đều chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã nói chung và pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng nói riêng; các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về công tác tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Hình thức tuyên truyền, phổ biến đa dạng: Thông qua các Hội nghị, cuộc họp giao ban, sinh hoạt “Ngày pháp luật” hàng tháng, các buổi học Nghị quyết, qua hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn, các buổi họp dân... Qua đó, đã tạo chuyển biến trong nhận thức, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân, góp phần đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Trong kỳ thanh tra: Đơn vị đã ban hành các Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 12/02/2018, Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 15/5/2018, Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 04/6/2018, Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 03/5/2019, Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 20/3/2019 và Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/12/2020, để triển khai, phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2. Đối với công tác tiếp dân:

- Đơn vị đã ban hành Nội quy tiếp công dân (tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 28/02/2018) và được niêm yết tại công khai địa điểm tiếp công dân;

- Lịch tiếp công dân: Hàng tháng có thông báo lịch tiếp công dân của Chủ tịch và được niêm yết công khai tại địa điểm tiếp công dân và có hân công 01 công chức Tư pháp - hộ tịch làm nhiệm vụ trực tiếp công dân thường xuyên.

- Địa điểm tiếp công dân: Đơn vị chưa bố trí được phòng tiếp công dân riêng, việc tiếp công dân được thực hiện tại nơi làm việc của Bộ phận tiếp nhận và giao trả kết quả của xã (phòng một cửa), là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân. Theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 02/3/2021 của UBND xã Ma Nới, đơn vị đã giải trình là do điều kiện của xã còn khó khăn, các phòng tại trụ sở xã đã bố trí hết cho các ngành, đoàn thể xã để làm việc, do đó, địa điểm tiếp công dân được đơn vị đã bố trí tạm thời tại phòng làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và Giao trả kết quả của xã.

- Sổ sách, hồ sơ theo dõi tiếp dân: Đơn vị có thực hiện mở Sổ theo dõi tiếp công dân theo quy định tại Mẫu số 06-TCD (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ), nhưng chưa thể hiện được nội dung tiếp công dân định kỳ, đột xuất (của lãnh đạo) và nội dung tiếp công dân thường xuyên (của công chức được phân công làm nhiệm vụ trực tiếp công dân thường xuyên).

- Số lượt tiếp công dân của đơn vị trong kỳ thanh tra: 14 lượt/14 lượt người/14 vụ việc kiến nghị, phản ánh (tiếp định kỳ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã). Không có trường hợp nào tiếp thường xuyên, tiếp đột xuất. Nội dung tiếp chủ yếu liên quan đến việc kiến nghị các chế độ, chính sách (cấp phát quà, hỗ trợ gạo,...).

3. Tình hình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo và những kiến nghị, thắc mắc, của công dân:

- Đơn vị chưa thực hiện mở Sổ theo dõi tiếp nhận, xử lý đơn thư theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Tại thời điểm thanh tra, đơn vị thực hiện theo dõi việc tiếp nhận, xử lý đơn thư chung với Sổ tiếp công dân.

- Chưa thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư, để gửi về cho Thanh tra huyện tổng hợp.

- Về quy trình tiếp nhận và xử lý đơn thư: Thực hiện tương đối theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính

phủ. Tuy nhiên, đơn vị xác định loại đơn chưa đúng quy định (cụ thể: Bà Ta Pôn Thị Liên có Đơn ghi ngày 10/02/2019 với nội dung **kiến nghị** xem xét hỗ trợ chế độ chính sách người có công với cách mạng, tiền mai táng phí cho ông Kato Viên (cha bà Liên), nhưng Ủy ban nhân dân xã đây là đơn **khiếu nại**).

Trong kỳ thanh tra, đơn vị tiếp nhận 05 đơn/05 vụ (trong đó: năm 2018 tiếp nhận 01 đơn; năm 2019 tiếp nhận 02 đơn; năm 2020 tiếp nhận 02 đơn).

- Phân loại đơn: 01 đơn tranh chấp đất đai (năm 2018); 04 đơn kiến nghị (năm 2019, 2020). Không có đơn khiếu nại, đơn tố cáo.

- Kết quả xử lý, giải quyết đơn thuộc thẩm quyền: 05 đơn (vụ việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã Ma Nới. 05/05 đơn (vụ việc) đã được giải quyết xong, đạt tỷ lệ 100%.

4. Công tác phòng, chống tham nhũng:

4.1. Việc lập xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống tham nhũng trong kỳ thanh tra đơn vị đã thực hiện như sau:

Sau khi có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về công tác phòng chống tham nhũng, đơn vị đã quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, nhân viên trong đơn vị; đồng thời ban hành và triển khai Kế hoạch của đơn vị cho cán bộ, công chức, nhân viên thực hiện. Trong 03 năm (2018, 2019, 2020) UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 13/3/2018 công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18/3/2019 công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019 và Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 23/4/2020 công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020. **Tuy nhiên, UBND xã chưa thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.**

4.2. Việc công khai, minh bạch hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước:

- Đơn vị đã thực hiện việc công khai minh bạch tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan theo quy định.

- Đối với các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước:

Trong kỳ thanh tra, đơn vị đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của UBND xã Ma Nới và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã Ma Nới năm 2018; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của UBND xã Ma Nới và Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của UBND xã Ma Nới; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của UBND xã Ma Nới, số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2020, Ủy ban nhân dân xã đang thực hiện nên chưa thực hiện công khai số liệu.

UBND xã Ma Nới đã công khai và thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai theo quy định các nội dung tại Điều 15, Điều 19 Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Tuy nhiên, UBND xã chưa

thực hiện việc niêm yết công khai tại trụ sở theo quy định tại Điều 17 Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Đơn vị thực hiện Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

4.3. Công khai, minh bạch trong mua sắm công, xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng:

- Về mua sắm tài sản công: Đơn vị đã thực hiện việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật, cũng như thực hiện việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, nội dung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản còn mang tính chung chung chưa quy định cụ thể theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Về xây dựng cơ bản: Trong 02 năm 2018, 2020 UBND xã Ma Nới được đầu tư xây dựng 05 công trình do UBND xã làm chủ đầu tư, cụ thể:

+ Năm 2018, có 01 công trình: Nâng cấp kênh mương nội đồng ruộng Kiều (đã phê duyệt quyết toán).

+ Năm 2020, có 04 công trình: Nâng cấp đập và hệ thống thủy lợi xã Ma Nới, Nâng cấp tuyến kênh từ thôn Do đến thôn Hà Dài, Nâng cấp Trạm y tế xã Ma Nới, Công trình Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã Ma Nới. Các công trình nêu trên chưa có quyết định phê duyệt quyết toán.

Qua thanh tra, nhận thấy UBND xã đã cơ bản chấp hành nghiêm các quy định về công khai, minh bạch trong xây dựng cơ bản theo quy định. Tuy nhiên, việc thông báo, niêm yết công khai của một số công trình vẫn chưa đầy đủ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, cụ thể:

+ Công trình Nâng cấp kênh mương nội đồng ruộng Kiều (*thiếu* Kết quả lựa chọn nhà thầu, Số liệu quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

+ Công trình Nâng cấp Trạm y tế xã Ma Nới (*thiếu* Kết quả lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

+ Công trình Nâng cấp đập và hệ thống thủy lợi xã Ma Nới (*thiếu* Kết quả lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

4.4. Công khai minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân: Trong kỳ thanh tra, đơn vị không huy động các khoản đóng góp của nhân dân.

4.5. Việc xây dựng, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định

chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định, đồng thời thực hiện việc sử dụng máy móc, trang thiết bị theo chế độ định mức, tiêu chuẩn theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

4.6. Việc thực hiện cải cách hành chính và đổi mới công nghệ thông tin trong việc quản lý và điều hành:

- Đơn vị thực hiện theo quy định “Một cửa, một cửa liên thông”, đơn vị đã thực hiện đã niêm yết bộ thủ tục hành chính và chỉ đạo công chức chuyên môn xã tổ chức thực hiện theo đúng quy định, tổng số thủ tục đang áp dụng tại xã 153 thủ tục/16 lĩnh vực.

- Thực hiện theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản (ATM) cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị chưa thực hiện việc trả lương qua tài khoản (ATM) cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 02/3/2021 của UBND xã Ma Nới, đơn vị đã giải trình là do đặc thù xã Ma Nới nằm cách trung tâm huyện Ninh Sơn khoảng 22km, hầu hết các cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách là người địa phương, trong khi đó, các trụ ATM hiện nay chỉ được bố trí tại trung tâm huyện nên việc rút tiền qua thẻ ATM không thuận lợi cho cán bộ, công chức đang sống và làm việc trên địa bàn xã Ma Nới.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý: Hiện nay đơn vị sử dụng Internet, phần mềm quản lý hồ sơ công việc theo quy định (TDOffice), các phần mềm khác liên quan đến công việc của đơn vị, để theo dõi giải quyết chế độ và chính sách theo quy định; CBCC xã đều sử dụng thư điện tử.

4.7. Việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Căn cứ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quy chế Văn hóa nơi công sở (Quyết định số 90/QĐ-UBND) và niêm yết Nội quy cơ quan tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; hằng năm đều triển khai cho cán bộ, công chức ký Bản cam kết chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan; xây dựng Kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tại Ủy ban nhân dân xã.

Trong kỳ thanh tra, đơn vị đã đề nghị UBND huyện xử lý kỷ luật 01 trường hợp công chức vi phạm những điều cán bộ, công chức không được làm (Lý do xử lý kỷ luật: vi phạm Luật hôn nhân và gia đình) với hình thức Khiển trách.

4.8. Việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức:

Trong kỳ thanh tra, đơn vị không thực hiện chuyển đổi vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 sửa đổi bổ sung Nghị định 158/2007/NĐ-CP